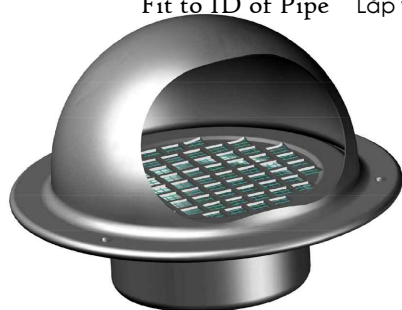
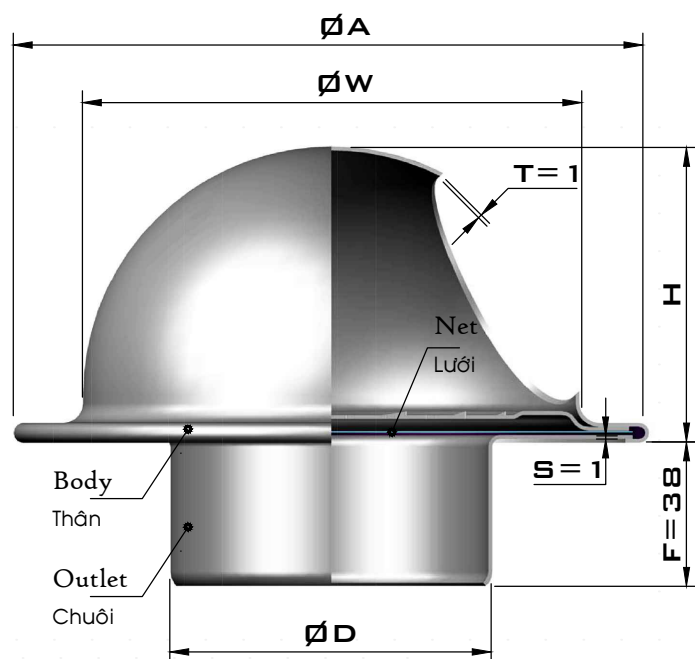
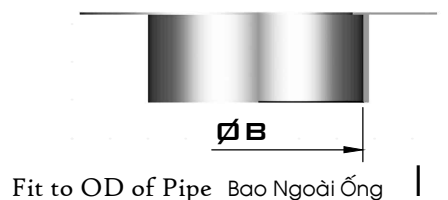
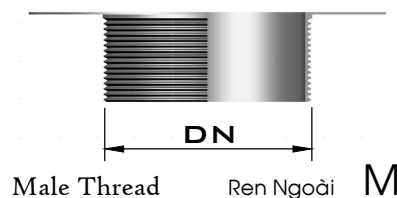
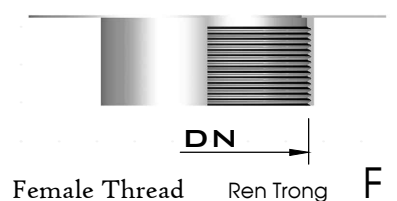


Kiểu V2 Model



Fit to ID of Pipe Lắp vào Trong Ống ○

Options: Pipe Connection
Tùy chọn: Cách Nối Ống



Material: All 304/316 Stainless Steel

Vật liệu: Toàn bộ bằng Inox 304/316

Pipe Size	ØA	ØB	ØD	H	ØW	Free Area	Code
Kích thước Ống						Diện tích Miệng phễu	Mã số
(in)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm ²)	
DN32 1 1/4	125	42	34	62	102	2,700	V2042 ○ 125 R2513
DN40 1 1/2	125	50	42	62	102	2,700	V2049 ○ 125 R2513
DN50 2	125	60	52	62	102	2,700	V2060 ○ 125 R2513
DN65 2 1/2	125	76	67	62	102	2,700	V2075 ○ 125 R2513
DN80 3	152	89	81	75	125	3,200	V2090 ○ 152 R2513
DN100 4	152	110	98	75	125	3,200	V2110 ○ 152 R2513
DN100 4	152	114	102	75	125	3,200	V2114 ○ 152 R2513
DN125 5	152	140	125	75	125	3,200	V2140 ○ 152 R2513
DN125 5	215	140	125	102	180	8,000	V2140 ○ 215 R2513
DN150 6	215	160	148	102	180	8,000	V2160 ○ 215 R2513
DN150 6	215	168	152	102	180	8,000	V2168 ○ 215 R2513
DN200 8	280	200	180	102	232	18,000	V2200 ○ 280 R2513
DN200 8	280	220	200	102	232	18,000	V2220 ○ 280 R2513

Connecting Method
Cách Lắp vào Ống

F/M/O/I

Material: SUS304/316

Vật liệu: Inox SUS304/316

3/4